

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH	156.400
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	42.242
-	Thu NSDP hưởng 100%	2.080
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	40.162
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.158
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	88.300
-	Thu bổ sung có mục tiêu	25.858
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	156.400
	Tổng chi cân đối ngân sách	156.400
-	Chi đầu tư phát triển	29.450
-	Chi thường xuyên	124.611
-	Dự phòng ngân sách	2.339

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	156.400
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	42.242
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.158
-	Thu bổ sung cân đối	88.300
-	Thu bổ sung có mục tiêu	25.858
II	Chi ngân sách	156.400

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	62.300	42.242
I	Thu nội địa	62.300	42.242
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	14.500	7.250
2	Thuế thu nhập cá nhân	2.000	1.000
3	Lệ phí trước bạ	4.000	2.000
6	Phí - lệ phí	1.000	1.000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80	80
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	970	412
9	Thu tiền sử dụng đất	37.700	29.450
a	Đối với hạ tầng tái định cư	4.000	2.380
-	Các khu tái định cư đầu tư từ 100% nguồn Ngân sách Trung ương, trái phiếu chính phủ	0	
-	Các khu tái định cư còn lại	4.000	2.380
b	Đối với các khu đất do nhà nước đầu tư mới hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất	31.700	26.390
-	Cấp tỉnh đầu tư hạ tầng	14.000	14.000
-	Cấp xã đầu tư hạ tầng	17.700	12.390
c	Đối với các khu đất còn lại	2.000	680
10	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khu vực biển	2.000	1.000
11	Thu khác ngân sách	50	50
12	Doanh nghiệp nhà nước		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	Ghi chú
A	B	1	2	
	TỔNG CHI NSDP	101.794	156.400	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	100.404	156.400	
I	Chi đầu tư phát triển	3.572	29.450	
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.572	29.450	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	3.572	29.450	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.572	29.450	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	96.468	124.611	
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	58.595	52.345	
2	Chi khoa học và công nghệ		150	
III	Dự phòng ngân sách	364	2.339	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.389		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.389		
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.389	-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	156.400
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	156.400
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	29.450
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	124.611
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.633
2	Chi y tế, dân số và gia đình	2.545
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	535
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	1.000
5	Chi các hoạt động kinh tế	9.948
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.458
7	Chi bảo đảm xã hội	26.672
8	Chi sự nghiệp An ninh	370
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.559
10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	150
11	Chi khác	741
III	Dự phòng ngân sách	2.339

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠng TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠng TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠng TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ:	109.281.429	0	109.281.429	0	0	0	0	0	0
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	41.855.367		41.855.367						
2	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636		7.095.636						
3	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.150.817		4.150.817						
4	Trường Mầm non Kỳ Hoa	6.097.381		6.097.381						
5	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136		8.002.136						
6	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối tiểu học)	8.426.651		8.426.651						
7	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822		13.424.822						
8	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối trung học)	6.379.581		6.379.581						
9	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038		12.956.038						
10	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Kỳ Hoa	523.000		523.000						
11	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:								
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ:		CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
								CHI GIAO THÔNG	HẠ TẦNG CẢNH QUAN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	29.450.000	0	0	0	0	0	0	0	300.000	0
I	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư ngân sách theo hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh	1.472.500									
II	Văn phòng HĐND- UBND xã	300.000	0	0	0	0	0	0	0	300.000	0
1	Xây mới nhà văn hoá thôn Hoa Tiến	300.000								300.000	
III	Các dự án, công trình thực hiện trong năm 2026 (dự kiến chi tiết phân bổ dự án trong năm 2026, giai đoạn bắt đầu thực hiện dự án)	27.677.500									

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	109.281.429	55.314.689	370.000	1.559.000	2.545.000	240.000	1.000.000	523.000	100.000	423.000	22.146.740	25.583.000	0
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	41.855.367	28.080		1.559.000	2.545.000	240.000	1.000.000		100.000	423.000	10.900.287	25.583.000	
2	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636										7.095.636		
3	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.150.817										4.150.817		
4	Trường Mầm non Kỳ Hoa	6.097.381	6.097.381											
5	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136	8.002.136											
6	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối tiểu học)	8.426.651	8.426.651											
7	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822	13.424.822											
8	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối trung học)	6.379.581	6.379.581											
9	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038	12.956.038											
10	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Kỳ Hoa	523.000							523.000					
11	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000										

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn xã hưởng	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra			
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia		
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	156.400	42.242	2.080	40.162	114.158	156.400
1	Kỳ Hoa	156.400	42.242	2.080	40.162	114.158	156.400